

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 23-7-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.**
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng C; Địa chỉ: A Phố L, phường H, quận H, (hiện nay là 169 L, phường H), Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Ông Hà Xuân B, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C (nay là Phòng C) là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019); Địa chỉ Phòng G, thị trấn T, huyện H (nay là ấp T, xã T), tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phạm Thị Thanh L: Ông Lý Ngọc B1 là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 2 thuộc Trung tâm

trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; Địa chỉ: D L, phường A, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2.2. Chị Huỳnh Thị Minh N (tên khác: T1), sinh năm 1994; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

2.3. Anh Huỳnh Minh L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Huỳnh Minh T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H (nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3.2. Chị Huỳnh Thị Minh T3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H (nay là ấp T, xã T), tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), do ông Hà Xuân B đại diện, trình bày:

Bà Phạm Thị Thanh L là vợ ông Huỳnh Minh D (V), ông D chết vào năm 2014. Vợ chồng ông D, bà L có 04 người con gồm: Anh Huỳnh Minh T2, anh Huỳnh Minh L1, chị Huỳnh Thị Minh T3, chị Huỳnh Thị Minh N.

Ngày 13/10/2006, ông Huỳnh Minh D (V) là người đại diện hộ gia đình vay vốn tại Ngân hàng thuộc chương trình cho vay Nhà Trữ Chạm vùng ngập lũ Đồng Bằng sông C 9.000.000 đồng, theo mã món vay số 6000005100213476. Đến ngày 30/11/2015, bà Phạm Thị Thanh L là người thừa kế nhận trả món nợ này do ông Huỳnh Minh D chết. Dư nợ gốc hiện tại là 9.000.000 đồng, lãi tạm tính ngày đến 18/12/2024 là 782.962 đồng, lãi suất 3%/năm. Từ ngày vay đến nay trả lãi được 3.871.989 đồng.

Ngày 30/11/2015, bà Phạm Thị Thanh L đại diện hộ gia đình vay vốn tại Ngân hàng thuộc chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, số tiền 30.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000706204111, lãi tạm tính đến ngày 18/12/2024 là 10.114.319 đồng, lãi suất 9%/năm. Từ ngày vay đến nay trả lãi được 9.109.656 đồng.

Ngày 23/08/2017, bà Phạm Thị Thanh L tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng thuộc chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền 12.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000710902543, lãi tạm tính đến ngày 18/12/2024 là 3.943.513 đồng, lãi suất 9%/năm. Từ ngày vay đến nay trả lãi được 9.109.656 đồng.

Ba món vay trên lần lượt quá hạn trả vào các ngày 13/09/2021, 13/11/2020 và ngày 13/08/2022. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh

Thị Minh N, anh Huỳnh Minh L1 liên đới trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng tổng cộng: 65.840.794 đồng. Trong đó, nợ gốc: 51.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 18/12/2024: 14.840.794 đồng và tiếp tục tính lãi theo các mã món vay số 6000005100213476, 6600000710902543 và 6600000706204111 cho đến khi nào trả xong nợ.

Tại Văn bản ý kiến ngày 23/7/2025, Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Đối với khoản vay Nhà Trả Chậm vùng ngập lũ Đồng Bằng sông C 9.000.000 đồng theo mã món vay số 6000005100213476 thì yêu cầu bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh Thị Minh N và anh Huỳnh Minh L1 liên đới trả nợ. Đối với khoản vay hộ Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn số tiền là 30.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000706204111 và khoản vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền là 12.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000710902543 thì Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh Thị Minh N (T1) trả nợ, không yêu cầu anh Huỳnh Minh L1 cùng liên đới trả nợ.

Bị đơn, bà Phạm Thị Thanh L trình bày: Bà là vợ ông Huỳnh Minh D (V), ông D chết cách đây khoảng 10 năm. Vợ chồng bà có 04 người con gồm: Huỳnh Minh T2, Huỳnh Minh L1, Huỳnh Thị Minh T3, Huỳnh Thị Minh N. Bà không nhớ 04 người con của bà tách hộ khẩu năm nào, chỉ nhớ thời điểm vay tiền (từ năm 2006 đến năm 2017) thì trong hộ khẩu chỉ còn vợ chồng bà và chị Huỳnh Thị Minh N.

Do lớn tuổi nên bà không còn nhớ ngày tháng năm vay tiền của Ngân hàng C, không nhớ lãi suất, thời hạn cho vay, chỉ nhớ gia đình bà vay tổng cộng 03 khoản: Chương trình Nhà Trả Chậm vùng ngập lũ Đồng Bằng sông C số tiền 9.000.000 đồng theo mã món vay số 6000005100213476, chương trình hộ Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn số tiền 30.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000706204111, chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000710902543.

Trong đó khoản vay Nhà trả chậm vùng ngập lũ Đồng Bằng sông C là vay khi ông Huỳnh Minh D còn sống. Thời điểm vay tiền cất Nhà trả chậm thì trong gia đình bà chỉ có bà, ông D và Huỳnh Thị Minh N, còn Huỳnh Minh L1, Huỳnh Minh T2 và Huỳnh Thị Minh T3 thì đã có gia đình riêng, không còn sống chung với vợ chồng bà nữa. Còn khoản vay Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn thì vay sau khi ông D đã chết.

Sau khi vay tiền thì bà cũng có đóng lãi cho Ngân hàng nhưng không nhớ đóng tổng cộng bao nhiêu tiền, không có trả tiền gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà, chị Huỳnh Thị Minh N, anh Huỳnh Minh L1 trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 65.840.794 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là: 51.000.000 đồng, tiền lãi 14.840.794 đồng và tiếp tục tính lãi theo các mã món

vay số 6600000710902543, 6000005100213476 và 6600000706204111 thì bà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, còn chị N và anh L1 thì bà không rõ ý kiến của họ có chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng hay không.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phạm Thị Thanh L, ông Lý Ngọc B1 gửi bản Luận cứ cho Tòa án: Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2025, bà L đã thống nhất trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Các đương sự còn lại đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng họ vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Đại diện nguyên đơn, bị đơn - bà L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho các bị đơn Huỳnh Thị Minh N và Huỳnh Minh L1 các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà Ngân hàng đưa ra nên Ngân hàng không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu: Bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh Thị Minh N và anh Huỳnh Minh L1 liên đới trả nợ đối với mã món vay số 6000005100213476, vay gốc 9.000.000 đồng; Bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh Thị Minh N liên đới trả nợ đối với mã món vay số 6600000706204111, vay gốc

30.000.000 đồng và mã món vay số 6600000710902543, vay gốc 12.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, vì: Các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc các bị đơn phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay còn nợ gốc, tiền lãi và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà L là người cao tuổi đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được miễn án phí. Buộc các bị đơn còn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 15, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

2. Buộc bà Phạm Thị Thanh L, chị Huỳnh Thị Minh N và anh Huỳnh Minh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay còn nợ gốc 9.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 782.962 đồng, **tổng cộng 9.782.962** (Chín triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi hai) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký, tại mã món vay số 6000005100213476, cho đến khi trả nợ xong.

3. Buộc bà Phạm Thị Thanh L và chị Huỳnh Thị Minh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay còn nợ gốc 42.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 14.057.832 đồng, **tổng cộng 56.057.832** (Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi hai) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký, tại các mã món vay số 6600000706204111, 6600000710902543, cho đến khi trả nợ xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Phạm Thị Thanh L được miễn án phí.

4.2. Buộc chị Huỳnh Thị Minh N và anh Huỳnh Minh L1 có nghĩa vụ liên đới chịu 326.000 (Ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

4.3. Buộc chị Huỳnh Thị Minh N chịu 1.401.000 (Một triệu bốn trăm lẻ một nghìn) đồng.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú